

BÁO CÁO

Điều chỉnh kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2021-2025 xã Mỹ Tiến (Lần 4)

(Ban hành theo tờ trình số 399/TTr-UBND ngày 06/10/2023 của UBND xã)

I. CĂN CỨ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG 2023

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ về hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của Hội đồng nhân dân xã Mỹ Tiến;

Căn cứ vào kế hoạch đầu giá đất cho Nhân dân làm nhà ở năm 2023;

Căn cứ vào các quyết định đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt về việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất cho nhân dân đến thời điểm báo cáo;

Căn cứ văn bản số 04A/HĐND-KTXH ngày 18/02/2023 của thường trực HĐND xã về việc chấp thuận chuyển nguồn ngân sách xã năm 2022 sang chi năm 2023. Và đã được báo cáo thông qua kỳ họp thứ 8 HĐND xã khoá XXII tại báo cáo số 231/BC-UBND ngày 19/05/2023;

Căn cứ quyết định số 3287/QĐ-UBND ngày 28/7/2023 về việc bổ sung kinh phí cho các xã, thị trấn để thực hiện chính sách bảo vệ và phát triển đất trồng lúa năm 2023;

Căn cứ vào số thu được điều tiết dành cho công tác chi đầu tư xây dựng cơ bản thời điểm báo cáo;

Căn cứ tình hình phát triển kinh tế - xã hội; tình hình triển khai thực hiện các nguồn vốn đầu tư công và kế hoạch giải ngân từ năm 2021-2023 của các công trình cũng như điều kiện thực tế của xã;

Ủy ban nhân dân xã trân trọng báo nội dung điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 – nguồn vốn ngân sách địa phương xã Mỹ Tiến (lần 4), cụ thể như sau:

II. LÝ DO ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn tại xã, số thu năm 2023 có sự biến động so với kế hoạch đặt ra. Bên cạnh đó trong quá trình triển khai thực hiện, một số dự án có tổng mức dự toán đầu tư được duyệt tăng giảm so với dự kiến ban đầu và giá trị quyết toán giảm so với tổng mức đầu tư đã được phê duyệt, một số dự án có giá trị khối lượng thực hiện đáp ứng được nhu cầu giải ngân vốn kế hoạch cao, một số dự án có tên chưa phù hợp với quy mô xây dựng, một số dự án khó khăn vướng mắc không thực hiện được, bổ sung một số dự án mang tính cấp thiết phù hợp với nhiệm vụ phát triển KTXH của địa phương; một số dự án có tổng mức đầu tư giảm do nằm trong nhóm dự án dự kiến khởi công mới được điều chỉnh về nhóm công trình chuyển tiếp và đang thi công nên đã có quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật xác định chính xác được tổng mức đầu tư được duyệt.

Do thay đổi cơ cấu nguồn vốn bố trí cho các dự án;

Do điều chỉnh tên một số công trình trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025.

Do bổ sung thêm hạng mục công trình vào kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021-2025.

III. NỘI DUNG ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG GIAI ĐOẠN 2021-2025

1. Điều chỉnh số thu kế hoạch đầu tư công ngân sách xã.

- Số thu từ Nguồn ngân sách xã năm 2023 (Gồm : Tiền đấu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác...) là 10.590 triệu đồng; giảm 1.675 triệu đồng so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã.

- Số thu chuyển nguồn năm 2022 sang năm 2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...) là 2.785 triệu đồng; tăng 2.785 triệu đồng so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã.

Như vậy số chênh lệch về nguồn thu so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã là tăng 1.110 triệu đồng

2. Điều chỉnh mức bố trí vốn

- Chi cho công trình đã hoàn thành quyết toán là 10.199 triệu đồng, giảm 1,0 triệu đồng so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã.

- Chi cho công trình hoàn thành chưa quyết toán là 26 triệu đồng, giảm 5,0 triệu đồng so với ước thực hiện tại Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã.

- Chi cho công trình đang thực hiện là 3.588 triệu đồng, giảm 62 triệu đồng so với ước thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã.

- Chi cho công trình khởi công mới là 2.718 triệu đồng, tăng 1.178 triệu đồng so với ước thực hiện Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã. (Trong đó có 02 công trình đã nằm trong kế hoạch đầu tư công theo Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã. 01 công trình này xin bổ sung vào kế hoạch đầu tư công năm 2023 so với Nghị quyết số 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023 của HĐND xã chưa có).

3. Bảng tổng hợp điều chỉnh phân bổ vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 – lần 4 (NSDP)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023				Nay đề nghị điều chỉnh			
		Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
			Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm: Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác)	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm: Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác)	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm: Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XD CB ...)
A	B	1=2+3+4	2	3	4	5=6+7+8	6	7	8
	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025	16.095	3.830	12.265	0	17.205	3.830	10.590	2.785
I	CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN VỐN	10.200	2.700	7.500	0	10.199	2.700	7.487	12
II	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHƯA QUYẾT TOÁN	31	0	31	0	26	0	26	0
III	CÔNG TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN	3.650	1.000	2.650	0	3.588	1.000	588	2.000
IV	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI	1.540	0	1.540	0	2.718	0	1.945	773
V	SỰ NGHIỆP CÓ TÍNH CHẤT ĐẦU TƯ	674	130	544	0	674	130	544	0

(Chi tiết theo phụ lục 01-ĐTC đính kèm)

4. Điều chỉnh tên, tổng mức đầu tư và bổ sung công trình vào kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

4.1 Điều chỉnh tên, tổng mức đầu tư 04 công trình

- Điều chỉnh tên công trình : Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vị Việt đoạn nhà ông Triệu đến nhà ông Nguyễn; Kè đường thôn La Đồng đoạn cổng chào đến nhà ông Khiêm; thôn Nguyễn Huệ đoạn Văn Chỉ đến Ngõ Quán, đoạn Gốc Gạo đến nhà ông Tầm thành công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vị Việt đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà ông Nguyễn; thôn La Đồng đoạn cổng chào đến gốc bàng; thôn Nguyễn Huệ đoạn cây đa văn chỉ đến ngõ quán, đoạn gốc gạo đến nhà ông Tư và điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 715 triệu đồng lên 920 triệu đồng do bổ sung thêm nguồn kinh phí hỗ trợ các thôn.

- Điều chỉnh tên công trình : Cải tạo, nâng cấp đường giao thông : thôn Lang Xá đoạn Cổng Mù, Cái Đống đến Cầu Đôi; thôn La Chợ đoạn Nội Chạp - Biển Thề thành công trình Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Lang Xá đoạn Cầu Một- Đống Hương; thôn La Chợ đoạn Nội Chạp- Biển Thề và điều chỉnh tổng mức đầu tư từ 825 triệu đồng lên 998 triệu đồng do bổ sung thêm nguồn kinh phí hỗ trợ các thôn.

- Công trình Xây dựng cổng và tường bao nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư từ 590 triệu đồng xuống thành 553 triệu đồng; giảm 53 triệu đồng theo quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 300/QĐ-UBND ngày 10/7/2023.

- Công trình Cải tạo sửa chữa nhà học 2 tầng 10 phòng; nhà học 2 tầng 6 phòng; phòng kho trường tiểu học xã Mỹ Tiến điều chỉnh giảm tổng mức đầu tư từ 560 triệu đồng xuống thành 535 triệu đồng; giảm 25 triệu đồng theo quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật số 301/QĐ-UBND ngày 10/7/2023.

4.2 Bổ sung 01 công trình :

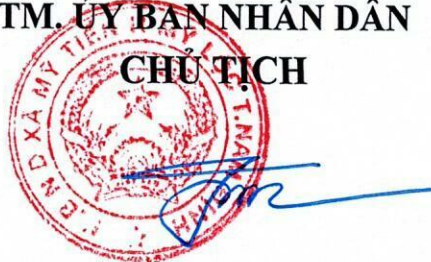
- Công trình Cải tạo, nâng cấp cổng, rãnh thoát nước , khuôn viên khu vực cổng trường tiểu học Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc với tổng mức đầu tư là 800 triệu đồng

Trên đây là điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm trung hạn giai đoạn 2021-2025 (Lần 4). UBND xã Mỹ Tiến trân trọng báo cáo trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, phê chuẩn./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy;
- Ban Chấp hành Đảng bộ xã;
- HĐND xã;
- Lãnh đạo UBND xã;
- Lưu VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Văn Độ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025 X MỸ TIẾN (Lần 4)

(Kèm theo báo cáo 399/BC-UBND ngày 06/10/2023)

Phục lục số 01-BTC

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 15/NQ- HĐND ngày 25/05/2023				Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch			Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác			Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)
A	B	C		E	F	G	H	1	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
	SỐ THU										16.095	3.830	12.265	0	17.205	3.830	10.590	2.785	1.110	0	-1.675	2.785	0	
	PHÂN BỐ NGUỒN THU										16.095	3.830	12.265	0	17.205	3.830	10.590	2.785	1.110	0	-1.675	2.785	0	
1	Ngân sách xã quản lý điều hành										16.095	3.830	12.265		17.205	3.830	10.590	2.785	1.110	0	-1.675	2.785		
	KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN 2021-2025		52 127		39 857			47.874	30.558	17.317	16.095	3.830	12.265	0	17.205	3.830	10.590	2.785	1.110	0	-1.675	2.785	111	
I	CÁC CÔNG TRÌNH ĐÃ QUYẾT TOÁN VỐN		44 110		39 857		42 330	39.857	29.658	10.200	10.200	2.700	7.500	0	10.199	2.700	7.487	12	-1	0	-13	12	0	
1	Xây dựng Trụ Sở HĐND-UBND xã Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc (Nhà hướng Đông)	QĐ số 2346/QĐ-UBND ngày 21/9/2004	1 081	QĐ số 367/STC-ĐT ngày 13/4/2012	1 065	Xã Mỹ Tiến	2004-2005	1.065	1.017	48	48		48		48		48		0	0	0	0	0	Bố trí 100%
2	Xây dựng nhà học 2 tầng 8 lớp trường MN xã Mỹ Tiến (khu A)	QĐ số 2525/QĐ-UBND ngày 05/11/2008	3 242	QĐ số 3262/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	2 836	Xã Mỹ Tiến	2008-2009	2.836	2.802	34	34		34		34		34	0	0	0	0	0	0	Bố trí 100%
3	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trường MN xã Mỹ Tiến ; hạng mục xây mới nhà trường trực; nhà để xe; cổng; tường bao)	QĐ số 1591/QĐ-UBND ngày 23/10/2009	497	QĐ số 3263/QĐ-UBND ngày 31/12/2010	495	Xã Mỹ Tiến	2009	495	487	8	8		8		8		8	0	0	0	0	0	0	Bố trí 100%
4	Cải tạo, sửa chữa trường học xã Mỹ Tiến, hạng mục: nhà bảo vệ, vệ sinh, nhà học 2 tầng 8 phòng; nhà cấp 4, đường và sân bê tông	QĐ số 192/QĐ-UBND ngày 10/4/2007 và 1392/QĐ-UBND ngày 31/12/2007	498	QĐ số 1818/QĐ-UBND ngày 28/7/2008	498	Xã Mỹ Tiến	2007	498	459	39	39		39		39		39	0	0	0	0	0	0	Bố trí 100%
5	Xây dựng công trình nhà học 2 tầng 6 phòng trường Tiểu học	QĐ số 1683/QĐ-UBND ngày 18/8/2010	2 326	QĐ số 4434/QĐ-UBND ngày 23/12/2011	2 095	Xã Mỹ Tiến	2010	2.095	2.058	37	37		37		37		37	0	0	0	0	0	0	Bố trí 100%

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác			Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)
A	B	C		E	F	G	H	1	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
6	Xây dựng công trình các hạng mục phụ trường tiểu học Mỹ Tiến	QĐ số 896/QĐ-UBND ngày 18/10/2005	332	QĐ số 47/QĐ-UBND ngày 29/1/2008	331	Xã Mỹ Tiến	2005	331	316	15	15		15		15		15	0	0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
7	Xây dựng công trình : Trụ sở làm việc UBND xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc (nhà hướng Nam)	QĐ số 498/QĐ-UBND 19/4/2012	4 947	QĐ số 654/QĐ-UBND ngày 07/03/2014	4 681	Xã Mỹ Tiến	2012-2013	4.681	4.450	231	231		231		231		231	0	0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
8	Xây dựng Bãi chôn lấp, xử lý rác thải xã Mỹ Tiến	QĐ số 4303A/QĐ-UBND ngày 16/12/2011	2 293	QĐ số 3762/QĐ-UBND ngày 30/12/2013	195	Xã Mỹ Tiến	2012	195	187	8	8		8		8			8	0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
9	Cải tạo nâng cấp trạm y tế xã Mỹ Tiến; hạng mục : Cải tạo nhà lâm việc, khám bệnh 2 tầng cũ và khuôn viên trạm y tế.Xây mới nhà lâm việc, khám bệnh 3 phòng 1 tầng	QĐ số 1069/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 và QĐ số 2959/QĐ-UBND ngày 11/7/2016	1 261	QĐ số 2003/QĐ-UBND ngày 11/7/2016	1 261	Xã Mỹ Tiến	2015	1.261	1.190	71	71		71		71		71	0	0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
10	Xây dựng nhà học 2 tầng 10 phòng và các hạng mục phụ trợ trường trung học cơ sở	Số 2121/QĐ-UBND ngày 12/7/2017 và 35/QĐ-UBND ngày 06/08/2018	9 206	QĐ số 2253/QĐ-UBND ngày 23/09/2019	8 921	Xã Mỹ Tiến	2017-2018	8.921	7.812	1.109	1.109		1.109		1.109		1.109	0	0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
11	Xây dựng nhà học 2 tầng 6 phòng trường MN khu A xã Mỹ Tiến	QĐ số 2786A/QĐ-UBND ngày 31/10/2017 và QĐ số 352A/QĐ-UBND ngày 26/02/2018	4 511	QĐ số 3086/QĐ-UBND ngày 21/11/2019	4 313	Xã Mỹ Tiến	2018	4.313	3.930	383	383		383		383		383	0	0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
12	Cải tạo trường tiểu học xã Mỹ Tiến, hạng mục : Xây mới phòng học bộ môn, bồn cây, nhà để xe, nhà vệ sinh , tường rào, cải tạo nhà học 10 phòng 2 tầng	QĐ số 30/QĐ-UBND ngày 13/12/2013	426	QĐ số 40/QĐ-UBND ngày 28/12/2014	417	Xã Mỹ Tiến	2013-2014	417	403	15,00	15,00		15,00		14,00		14,00	-1	0	-1	0	0	0	Bổ trí 100% Giảm do làm tròn số học; để khớp với công nợ theo dõi
13	Sửa chữa,cải tạo nhà học 2 tầng trường Mầm Non khu B	QĐ số 04A/QĐ-UBND ngày 21/03/2015	230	QĐ số 01/QĐ-UBND ngày 10/7/2015	230	Xã Mỹ Tiến	2015	230	217	13	13		13		13		13	0	0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
14	Đường trục nội đồng đoạn từ cửa hàng Lang Xá đến sông 32 Mỹ Hà (CT38),đoạn từ đê ất hội trạm bơm Lang xá đến giáp sông tiêu Mỹ Hà(CT38-4)	QĐ số 19A/QĐ-UBND ngày 18/5/2014	998	QĐ số 01/QĐ-UBND ngày 15/01/2015	894	Xã Mỹ Tiến	2014	894	884	10	10		10		10		10	0	0	0	0	0	0	Bổ trí 100%

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMBT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Vốn còn thiếu so với TMBT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 15/NQ- HBND ngày 25/05/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMBT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCH ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCH ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác			Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCH ...)
A	B	C		E	F	G	H	1	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
15	Cải tạo sửa chữa trạm y tế ; hạng mục xây mới tường bao quanh trạm, hàng rào phía trước, hai bên đường vào và một số hạng mục phụ trợ	QĐ số 16B/QĐ-UBND ngày 16/3/2017	215	QĐ số 40A/QĐ-UBND ngày 16/10/2017	207	Xã Mỹ Tiến	2017	207	201	6	6		6		6		6		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
16	Cải tạo, làm nền đường từ dốc đê Ất Hợi đến trạm biến áp thôn Nguyễn Huệ	QĐ số 50A/QĐ-UBND ngày 27/9/2017	275	QĐ số 12A/QĐ-UBND ngày 28/02/2018	275	Xã Mỹ Tiến	2017	275	267	8	8		8		8		8		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
17	Cải tạo nâng cấp nhà vệ sinh học sinh trường tiểu học xã Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc	QĐ số 46/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	568	QT vốn số 115A/QĐ-UBND ngày 09/09/2019	508	Xã Mỹ Tiến	2018-2019	508	250	258	258		258		258		258		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
18	Xây dựng rãnh dọc thoát nước tuyến đường Thịnh - Thắng (đoạn từ Cầu La đến hết trường tiểu học) thuộc địa phận xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc	QĐ số 43/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	750	QĐ số 117A/QĐ-UBND ngày 16/09/2019	705	Xã Mỹ Tiến	2018-2019	705	350	355	355		355		355		343	12	0	0	-12	12	0	Bổ trí 100%
19	Cải tạo nâng cấp nhà học 2 tầng 8 phòng , nhà mái bằng và nhà cấp 4 thành nhà hiệu bộ và các phòng học chức năng trường THCS xã Mỹ Tiến	QĐ số 34A/QĐ-UBND ngày 05/07/2018 và QĐ số 62A/QĐ-UBND ngày 20/11/2018	819	QĐ số 274/QĐ-UBND ngày 23/11/2020	790	Xã Mỹ Tiến	2018	790		790	790		790		790		790		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
20	Công trình Xây dựng rãnh dọc thoát nước đường đê Ất Hợi đoạn qua địa phận xã Mỹ Tiến	QĐ số 225/QĐ-UBND ngày 15/10/2020	3 300	QĐ số 507/QĐ-UBND ngày 28/12/2022	3 202	Xã Mỹ Tiến	2020-2022	3.202	1.000	2.202	2.202	1.500	702		2.202	1.500	702		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
21	Cải tạo nâng cấp đường giao thông xã Mỹ Tiến ; Hạng mục : Đoạn từ công chào thôn La Chợ đến công chào thôn Nguyễn Huệ ; đoạn từ Đình thôn La Đồng đến thôn Vĩ Việt	QĐ số 105/QĐ-UBND ngày 15/04/2022	2 939	QĐ số 506/QĐ-UBND ngày 27/12/2022	2 735	Xã Mỹ Tiến	2022	2.735		2.735	2.735	1.000	1.735		2.735	1.000	1.735		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
22	Xây dựng bể thu gom, xử lý nước thải các thôn xóm xã Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc	QĐ số 285/QĐ-UBND ngày 19/8/2022	149	QĐ số 512/QĐ-UBND ngày 29/12/2022	149	Xã Mỹ Tiến	2022	149		149	149		149		149		149		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
23	Cải tạo, sửa trụ số UBND xã Mỹ Tiến và các hạng mục công trình phụ trợ	QĐ số 35A/QĐ-UBND ngày 20/08/2018	546	QĐ số 108A/QĐ-UBND ngày 19/8/2019	519	Xã Mỹ Tiến	2018	519	504	15	15		15		15		15		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
24	Cải tạo, sửa chữa sân vận động trung tâm xã	QĐ số 37/QĐ-UBND ngày 20/08/2018	394	QĐ số 111A/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	375	Xã Mỹ Tiến	2018	375	146	229	229		229		229		229		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%

STT	Đanh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMDT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Vốn còn thiếu so với TMDT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 15/NQ- HBND ngày 25/05/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguồnvốn NSX còn thiếu so với TMDT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMDT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó						
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác		Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)	Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác		Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)					
A	B	C		E	F	G	H	I	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
25	Cải tạo sửa chữa nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Tiến năm 2018	QĐ số 36A/QĐ-UBND ngày 20/08/2018	277	QT vốn số 112A/QĐ-UBND ngày 26/8/2019	263	Xã Mỹ Tiến	2018	263		263	263		263		263		263		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
26	Cải tạo, nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc, giai đoạn 2: hạng mục xây mới nhà bia ghi danh liệt sỹ	QĐ số 46/QĐ-UBND ngày 31/10/2018	429	QĐ số 139A/QĐ-UBND ngày 11/11/2019	394	Xã Mỹ Tiến	2019	394	263	131	131		131		131		131		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
27	Xây dựng các hạng mục phụ trợ trường mầm non xã Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc	QĐ số 43/QĐ-UBND ngày 15/10/2018	355	QĐ số 108A/QĐ-UBND ngày 19/08/2019	341	Xã Mỹ Tiến	2019	341		341	341		341		341		341		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
28	Cải tạo nâng cấp nhà văn hóa xã	QĐ số 16A/QĐ-UBND ngày 20/03/2018	203	QĐ số 297/QĐ-UBND ngày 3/12/2020	196	Xã Mỹ Tiến	2019	196		196	196		196		196		196		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
29	Cải tạo nâng cấp nghĩa trang liệt sỹ giai đoạn 3. Hạng mục đổ bê tông sân, đường trước kỳ đài và khuôn viên vườn 2 bên đường.	QĐ số 01/QĐ-UBND ngày 4/1/2019	226	QĐ số 305/QĐ-UBND ngày 7/12/2020	218	Xã Mỹ Tiến	2019-2020	218		218	218	200	18		218	200	18		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
30	Cải tạo, sửa chữa trường mầm non khu B xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc; hạng mục : Cải tạo nhà học 2 tầng; cổng ra vào; tường bao;sân; đường bê tông rãnh thoát nướ	QĐ số 35/QĐ-UBND ngày 02/08/2018	817	QĐ số 105/QĐ-UBND ngày 16/7/2019	748		2018	748	465	283	283		283		283		283		0	0	0	0	0	Bổ trí 100%
II	CÔNG TRÌNH HOÀN THÀNH CHƯA QUYẾT TOÁN		487					487	350	137	31	0	31	0	26	0	26	0	-5	0	-5	0	111	
I	Khu phụ trợ - Trụ sở UBND xã Mỹ Tiến (Tường rào + Khu vệ sinh chung + Cấp thoát nước khu WC + Bể+Nhà để xe +Nền sân +ao)	QĐ số 946/QĐ-UBND ngày 01/11/2005	487			Xã Mỹ Tiến	2005-2006	487	350	137	31		31		26		26		-5	0	-5	0	111	Bổ trí 100% vốn còn thiếu thực tế sau nghiệm thu A_B
III	CÔNG TRÌNH ĐANG THỰC HIỆN		3 588					3.588	0	3.588	3.650	1.000	2.650	0	3.588	1.000	588	2.000	-62	0	-2062	2.000	0	

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMBT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Vốn còn thiếu so với TMBT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 15/NQ- HĐND ngày 25/05/2023				Nay đề nghị điều chỉnh				Chênh lệch				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMBT	Ghi chú	
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó					
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)			
A	B	C		E	F	G	H	1	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17	
1	Xây dựng Nhà bếp, nhà vệ sinh, nhà xe và các hạng mục phụ trợ trường MN khu B xã Mỹ Tiến	QĐ Số 167/QĐ-UBND ngày 10/4/2023	2 500			Xã Mỹ Tiến	2022-2023	2.500		2.500	2.500	1.000	1.500		2.500	1.000	500	1.000	0	0	-1000	1.000		0	
2	Xây dựng cổng và tường bao nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc	QĐ số 300/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	553			Xã Mỹ Tiến	2023	553		553	590		590		553		53	500	-37	0	-537	500		0	Điều chỉnh tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho công trình do tới thời điểm điều chỉnh công trình đã có QĐ PD BCKTKT và đang thực hiện
3	Cải tạo, sửa chữa nhà học 2 tầng 10 phòng; nhà học 2 tầng 6 phòng; phòng kho trường tiểu học xã Mỹ Tiến	QĐ số 301/QĐ-UBND ngày 10/7/2023	535			Xã Mỹ Tiến	2023	535		535	560		560		535		35	500	-25	0	-525	500		0	Điều chỉnh tổng mức đầu tư và nguồn vốn bố trí cho công trình do tới thời điểm điều chỉnh công trình đã có QĐ PD BCKTKT và
IV	CÔNG TRÌNH DỰ KIẾN KHỞI CÔNG MỚI		2 718					2.718	0	2.718	1.540	0	1.540	0	2.718	0	1.945	773	1178	0	405	773		0	
1	Xây dựng cổng và tường bao nghĩa trang liệt sỹ xã Mỹ Tiến, huyện Mỹ Lộc		590			Xã Mỹ Tiến	2023			0	590		590		0		0		-590	0	-590	0		0	Giảm do đến thời điểm báo cáo ở công trình đang thực hiện
2	Cải tạo, sửa chữa nhà học 2 tầng 10 phòng; nhà học 2 tầng 6 phòng; phòng kho trường tiểu học xã Mỹ Tiến		560			Xã Mỹ Tiến	2023			0	560		560		0		0		-560	0	-560	0		0	Giảm do đến thời điểm báo cáo ở công trình đang thực hiện

STT	Danh mục dự án	Quyết định đầu tư		Quyết định quyết toán		Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	TMBT được duyệt hoặc quyết toán	Nguồn vốn đã bố trí đến hết năm 2020	Vốn còn thiếu so với TMBT hoặc quyết toán được duyệt	Vốn đầu tư công phân bổ theo NQ 15/NQ-HĐND ngày 25/05/2023			Nay đề nghị điều chỉnh			Chênh lệch				Nguồn vốn NSX còn thiếu so với TMBT	Ghi chú		
		Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	TMBT	Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Giá trị quyết toán						Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó				
												Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác	Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)		Nguồn vốn hỗ trợ XDNTM NSTW, Vốn chương trình MTQG, NST, NSH và các nguồn hợp pháp khác			Nguồn NSX (Gồm : Tiền đầu giá đất, chuyển đổi mục đích sử dụng đất, PA xử lý 1456 và các nguồn hỗ trợ hợp pháp khác	Số chuyển nguồn năm 2022-2023 (Gồm:Tiền sử dụng đất, tiền tăng thu tiết kiệm chi đầu tư XDCB ...)
A	B	C		E	F	G	H	I	2	3=1-2	4=5+6+7	5	6	7	8=9+10+11	9	10	11	12=13+14+15	13=9-5	14=10-6	15=11-7	16=1-(2+8)	17
3	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông thôn Vị Việt đoạn từ nhà ông Triệu đến nhà ông Nguyễn; thôn La Đồng đoạn công chào đến gốc bàng; thôn Nguyễn Huệ đoạn cây đa vắn chỉ đến ngõ quán, đoạn gốc gạo đến nhà ông Tư		920			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	920		920	715		715		920		620	300	205	0	-95	300		Bố trí 100% ; Điều chỉnh tên CT; TMBT,TG thực hiện
4	Cải tạo, nâng cấp đường giao thông nội đồng thôn Lang Xá đoạn Cầu Một-Đồng Hương; thôn La Chợ đoạn Nội Chap- Biển Thề		998			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	998		998	825		825		998		698	300	173		-127	300		Bố trí 100% ; Điều chỉnh tên CT; TMBT,TG thực hiện
5	Cải tạo, nâng cấp cống, rãnh thoát nước , khuôn viên khu vực công trường tiểu học Mỹ Tiến huyện Mỹ Lộc		800			Xã Mỹ Tiến	2023-2024	800		800	0				800		627	173	800		627	173		Bố trí 100% vốn công trình bổ sung mới trong kế hoạch
V	SỰ NGHIỆP CÓ TÍCH CHẤT ĐẦU TƯ		1 224				0	1.224	550	674	674	130	544	0	674	130	544	0	0	0	0	0	0	0
1	Hợp đồng đo đạc; lập bản đồ địa chính cấp chứng nhận QSDĐ	QĐ số 4856/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	750			Xã Mỹ Tiến	2016-2025	750	550	200	200		200		200		200		0	0	0	0	0	Bố trí 100%
2	Hợp đồng lập hồ sơ địa chính, cấp đổi GCNQSDĐ đất nông nghiệp sau dồn điền đổi thửa	QĐ số 4856/QĐ-UBND ngày 14/10/2016	210			Xã Mỹ Tiến	2017-2025	210		210	210		210		210		210		0	0	0	0	0	Bố trí 100%
3	Quy hoạch chung xây dựng xã Mỹ Tiến giai đoạn 2021-2030	QĐ số 2230/QĐ-UBND ngày 25/5/2022	264			Xã Mỹ Tiến	2022-2023	264		264	264	130	134		264	130	134		0		0		0	Bố trí 100%